

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/HS-PT
Ngày: 19 - 7 -2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Tân.

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Tư;

Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Kiến Toàn – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Mỹ Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 48/2023/TLPT-HS, ngày 28 tháng 4 năm 2023 đối với các bị cáo N T H M cùng đồng phạm, do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2023/HS-ST, ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Các bị cáo bị kháng nghị:

1. **N T H M**, sinh năm 1988, tại Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp P C, xã B P, huyện M, tỉnh Vĩnh Long(Chỗ ở: ấp P T, xã B P, huyện M, tỉnh Vĩnh Long); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 08/12; con ông Đ V Đ (chết) và bà N T C; có chồng: T T N và 02 người con: lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền sự, tiền án: không.

- Bị bắt tạm giữ từ ngày 24/8/2022 đến ngày 02/9/2022 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. **P Đ H M**, sinh năm 1994, tại Bình Định. Nơi cư trú: ấp P T, xã B P, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; nghề nghiệp: tiếp thị; trình độ học vấn: 12/12; con ông P C Đ và bà Đ T K L; có chồng: N V Đ (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 2017; tiền sự, tiền án: không

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. **L T M**, sinh năm 1985, tại Trà Vinh. Nơi cư trú: ấp P T, xã B P, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; nghề nghiệp: bán vé số; trình độ học vấn: không biết chữ; con ông L V L (chết) và bà T T G; có chồng Đ K Q và 01 người con sinh năm 2003; tiền sự, tiền án: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. **T T T**, sinh năm 1977, tại Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp T T, xã T A H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (tạm trú: ấp P T, xã B P, huyện M, tỉnh Vĩnh Long); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; nghề nghiệp: thợ làm tóc; trình độ học vấn: 05/12; con ông T V S và bà P T H (chết); có chồng N V B (đã ly hôn) và con 02 người: lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền sự, tiền án: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. **N P V**, sinh năm 1991, tại Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp P C, xã B P, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 08/12; con ông N V S (chết) và bà N T T (chết); chưa có vợ con; có 09 anh chị em ruột lớn sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1996; tiền sự, tiền án: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Đối với những người tham gia tố tụng khác Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do thấy việc bán số đề, mua số đề, thầu số đề và giao số đề cho người khác để hưởng hoa hồng có thu nhập cao, nên từ ngày 01/01/2022 bị cáo N T H M bắt đầu bán số đề cho nhiều người tại Quán nước của mình thuộc: ấp P C, xã B P, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Hình thức bán số đề là người mua số đề đến trực tiếp gặp để mua hoặc gọi điện thoại, nhắn tin SMS hay Zalo số thuê bao 0768.876.555 của bị cáo để mua. Sau đó bị cáo M soạn thành tin nhắn SMS lưu lại trong điện thoại Iphone 7 Plus. Sau khi bán số đề cho người khác xong, thì M chuyển một phần số đề bán được trong ngày qua số thuê bao 0702.886.248 của điện thoại OPPO A73. Sau đó M dùng số thuê bao 0702.886.248 nhắn tin các con số lô, số đề giao lại cho bị cáo P Đ H M qua số thuê bao 0909.454.493 để hưởng hoa hồng, sau khi nhận tin nhắn của M thì M nhắn tin trả lời với nội dung “1” nghĩa là 01 tin, “2” nghĩa là 02 tin để xác nhận. Các số lô, số đề còn lại thì N T H M trực tiếp trả thưởng cho người mua số đề. Tỷ lệ mua bán số đề là: mua bao lô 02 con, 03 con hay bao lô hình thức

số đá theo kết quả xổ số các đài Miền Nam thì lấy tiền 12.8/18 lô, theo kết quả Miền Bắc 21/27 lô.

Thỏa thuận chia hoa hồng như sau: mua bao lô 02 con, 03 con hay bao lô hình thức số đá theo kết quả xổ số các đài Miền Nam thì lấy tiền 12.6/18 lô, theo kết quả Miền Bắc 20.6/27 lô. Tỷ lệ trả tiền ăn thua đối với số đầu, số đuôi, bao lô 02 con số là 01/70 (tức mua 1.000 đồng trúng được 70.000 đồng); tỷ lệ ăn thua đối với số đá, bao lô 03 con số và trúng hình thức xỉu chủ là 1/600 (tức mua 1.000 đồng trúng được 600.000 đồng) cả các đài Miền Nam, Miền Bắc.

Khi có kết quả xổ số nếu người mua trúng hoặc không trúng số đề sẽ trực tiếp gặp M để nhận tiền và trả tiền mua số. Ngoài ra M còn trực tiếp mua thêm các con số lô, số đề của P Đ H M.

Vào khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 24/8/2022, N T H M đang có hành vi bán số lô, số đề cho người khác qua điện thoại di động, tại nhà ấp P T, xã B P, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, thì bị Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an huyện Mang Thít bắt quả tang.

Tang vật và đồ vật thu giữ bao gồm: tiền Việt Nam đồng là: 39.500.000đ (ba mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng đồng, đã qua sử dụng, bên trong sim Mobifone số thuê bao 0768876555; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A73, màu cam, đã qua sử dụng, bên trong sim Mobifone số thuê bao 0702886248.

Qua kiểm tra điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, sim số 0768.876.555 có chứa tin nhắn mua, bán số đề trong ngày 22, 23 và 24/8/2022 và điện thoại OPPO A73 sim số 0702.886.248 có chứa tin nhắn giao số đề trong ngày 22, 23 và 24/8/2022 cụ thể như sau:

Số tiền các bị cáo dùng vào đánh bạc như sau:

- N T H M tổng cộng trong 03 ngày là 101.810.000 đồng.
- P Đ H M tổng cộng là 46.000.000 đồng.
- T T T tổng cộng là 32.945.000 đồng.
- L T M tổng số tiền là 23.260.000 đồng.
- N P V tổng cộng là 6.790.000 đồng.

Tổng số tiền các đối tượng dùng vào đánh bạc là: 210.805.000 đồng

Ngày 01/9/2022 Cơ quan CSĐT - Công an huyện Mang Thít đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị cáo và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với N T H M, P Đ H M, L T M, T T T và N P V, về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo N T H M, P Đ H M, L T M và T T T, N P V đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2023/HS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo N T H M, P Đ H M, T T T, L T M và N P V phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, x khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 02 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Xử phạt bị cáo N T H M 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án, trừ đi thời tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 24/8/2022 đến ngày 02/9/2022.

2. Xử phạt bị cáo P Đ H M 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, kể từ ngày tuyên án.

3. Xử phạt bị cáo T T T 01 (năm) 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm, kể từ ngày tuyên án.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 65, Điều 17 của Bộ luật Hình sự; Điều 02 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo L T M 01 (một) năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm, kể từ ngày tuyên án.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 36, Điều 17 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo N P V 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã Bình Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo N T H M, P Đ H M, Trương T T, L T M và N P V.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 29/3/2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long có quyết định kháng nghị số 01/QĐ – VKS.HMT, với nội dung: đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2023/HS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long theo hướng giảm nhẹ hình phạt tù và không cho hưởng án treo đối với các bị cáo N T H M, P Đ H M, L T M, T T T và không cho bị cáo N P V hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; áp dụng đầy

đủ quy định về đồng phạm và Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm với các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm Kiểm sát viên, các bị cáo trình bày như sau:

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít đã xét xử các bị cáo N T H M, P Đ H M, L T M, T T T và N P V, cùng về tội *Đánh bạc*; các bị cáo đều không có kháng cáo.

Ngày 29/3/2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít kháng nghị phúc thẩm tại Quyết định số 01/QĐ-VKS.HMT để sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt nhưng không cho các bị cáo My, My, Mạnh, Thảo hưởng án treo và không cho bị cáo Vũ hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ; sửa một phần trong việc áp dụng pháp luật đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như án sơ thẩm đã quy kết đối với các bị cáo và KSV vẫn giữ nguyên quan điểm kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng VKSND huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Sau khi phân tích hành vi phạm tội của các bị cáo, cũng như nội dung kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 của BLTTHS. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít tỉnh Vĩnh Long, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 17/2023/HS-ST, ngày 15.3.2023 của TAND huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

1. Xử phạt bị cáo N T H M: từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 24/8/2022 đến ngày 02/9/2022;

2. Xử phạt bị cáo P Đ H M: từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù;

3. Xử phạt bị cáo T T T: từ 09 tháng đến 01 năm tù;

4. Xử phạt bị cáo L T M: từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

5. Xử phạt bị cáo N P V: từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

- Thời hạn chấp hành hình phạt tù của các bị cáo tính từ ngày các bị cáo chấp hành hình phạt.

Tất cả các bị cáo N T H M, P Đ H M, L T M, T T T và N P V đều bị xử phạt về tội "*Đánh bạc*".

- Về án phí: căn cứ Điều 136 BLTTHS; các Điều 11; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Xét xử theo Viện kiểm sát kháng nghị nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

* *Tất cả 05 bị cáo N T H M, P Đ H M, L T M, T T và N P V đều trình bày:* hành vi phạm tội đánh bạc của các bị cáo đúng như nội dung vụ án cấp sơ thẩm đã xét xử; các bị cáo đã biết hành vi vi phạm của mình; 04 bị cáo M, M, M và T có làm đơn xin nộp tiền sung vào ngân sách Nhà nước. Cả 05 bị cáo đều yêu cầu được giữ y mức hình phạt như sơ thẩm vì hoàn cảnh gia đình khó khăn.

* *Tất cả 05 bị cáo N T H M, P Đ H M, L T M, T T T, N P V nói lời sau cùng:* xin được hưởng án treo vì hoàn cảnh gia đình khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo N T H M, P Đ H M, L T M, T T T và N P V khai nhận hành vi đánh bạc đúng như nội dung vụ án. Do đó, xác định việc cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo N T H M, P Đ H M, L T M, T T T và N P V đều phạm vào tội: *đánh bạc*, theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh của xã hội. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng chỉ vì động cơ vụ lợi để có thu nhập bất chính, các bị cáo đã xem thường sự trừng trị của pháp luật. Các bị cáo sát phạt đồ đen ăn thua bằng tiền với giá trị khá lớn; do đó, cần xử lý các bị cáo nghiêm khắc.

Các bị cáo đã cùng với nhau trong việc mua bán số đề; cụ thể, bị cáo M là thầu đề; còn bị cáo M bán số đề rồi trực tiếp giao phối đề cho bị cáo M để hưởng hoa hồng; đồng thời, bị cáo còn giữ lại một phần trực tiếp đánh bạc với người chơi đề; các bị cáo T, M và V là người mua số đề của bị cáo M. Các bị cáo liên hệ với nhau bằng điện thoại để mua bán và giao phối đề mua số đề với số tiền khá lớn; cụ thể số tiền từng bị cáo dùng vào đánh bạc như sau: bị cáo H M đánh bạc trong 03 ngày với số tiền 101.810.000 đồng, bị cáo H M đánh bạc trong 02 ngày với số tiền 46.000.000 đồng, bị cáo T đánh bạc trong 02 ngày với số tiền 32.945.000 đồng, bị cáo M đánh bạc trong 02 ngày với số tiền 23.260.000 đồng, bị cáo V đánh bạc với số tiền 6.790.000 đồng.

Cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, khi quyết định hình phạt thì rất cao trong khung hình phạt và nghiêm khắc so với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do

các bị cáo thực hiện, nhưng lại cho các bị cáo hưởng án treo là không đúng; bởi lẽ: các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên (trừ bị cáo V), nên việc miễn hình phạt có điều kiện là không có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và không đảm bảo tính răn đe; đồng thời, cũng không đáp ứng công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm về đánh bạc nói riêng. Do đó, xét thấy bản án sơ thẩm áp dụng pháp luật không đúng khi xử lý các bị cáo. Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít là có căn cứ nên chấp nhận, để sửa bản án sơ thẩm không cho các bị cáo được hưởng án treo.

Riêng trường hợp của bị cáo L T M: bị cáo đã nộp xong số tiền dùng đánh bạc; mẹ ruột bị bệnh tâm thần chỉ còn một mình bị cáo là người thân, hiện nay bị cáo trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hàng ngày; do đó, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và có địa chỉ rõ ràng, nên không cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt, mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các bị cáo làm đơn xin tự nguyện nộp một số tiền, để sung công quỹ Nhà nước mà cấp sơ thẩm tuyên; dù đây là nghĩa vụ của các bị cáo phải thực hiện, nhưng cũng được làm căn cứ để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo.

[3] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

* Đối với số tiền các bị cáo tự nguyện làm đơn xin nộp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít, sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án, để khấu trừ vào số tiền các bị cáo phải nộp theo bản án sơ thẩm đã tuyên, cụ thể;

Bị cáo N T H M nộp 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) theo biên lai thu số 0003378, ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít.

Bị cáo L T M nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) theo biên lai thu số 0003430, ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít.

Bị cáo T T T nộp 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0003503, ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít.

Bị cáo P Đ H M nộp 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0003440, ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít.

[4] Về án phí: do xét xử phúc thẩm theo kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long nên tất cả các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm d khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, sửa hình phạt Bản án số: 16/2023/HS – ST, ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

1. Xử phạt: bị cáo N T H M 01 (một) 06 tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt, được trừ đi thời gian tạm giam, tạm giữ trước từ ngày 24/8/2022 đến ngày 02/9/2022.

2. Xử phạt: bị cáo P Đ H M 01 (một) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

3. Xử phạt: bị cáo T T T 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và các khoản 1,2,5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo L T M 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, với hạn thử thách là 01 năm 06 tháng.

Thời gian thử thách được tính từ ngày 11 tháng 7 năm 2023.

Giao bị cáo Mạnh cho Ủy ban nhân dân xã Bình Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục.

Nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú sẽ thực hiện theo Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo N P V 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Tất cả các bị cáo đều bị xử phạt về tội *Đánh bạc*.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- TANDCC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TVL: 01;
- TAND + VKSND HMT: 02;
- CQTHADS HMT : 02;
- CQTHAHS HMT : 01;
- TRẠI GIAM + BC: 10;
- P HỒ SƠ-CAVL: 01
- STP: 01,
- UBND xã Bình Phước: 04;
- UBND xã Tân An Hội: 01;
- TNV+P KTNV:02;
- Lưu: 04 .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Tân

